

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/ HNGĐ - ST
Ngày: 15 tháng 11 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Diệu Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tiến Viễn

Ông Lê Xuân Cung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh là thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã YT, huyện Y, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn H, xã YH, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Th, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/08/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã YH, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó do khác nhau về quan điểm sống, trình độ học vấn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh T công việc không ổn định, thường xuyên nghỉ làm ở nhà, khi uống rượu hay gây sự, đánh chị. Từ đầu tháng 1 năm 2019, anh T hầu như không làm gì,

không đưa tiền để nuôi con, vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn. Tháng 7 năm 2019, sau khi cãi nhau, anh T đón con về quê ở thôn H, xã YH, huyện Y còn chị vẫn làm việc trên Bắc Ninh. Ngày 3/8/2019, chị về thăm con hai vợ chồng lại cãi cọ, anh T đánh và đuổi chị ra ngoài. Từ đó đến nay, hai vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hơn nữa, chị thấy rằng anh T cũng không còn tình cảm với chị vì từ khi chị có đơn xin ly hôn tại Tòa án, có rất nhiều thời gian nhưng anh T cũng không có động thái gì thể hiện muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến chị. Chị về thăm con nhiều lần, mỗi lần hai vợ chồng gặp nhau đều không trò chuyện, khoảng gần một tháng nay, khi chị gọi điện thoại về yêu cầu được gặp con thì anh T không cho chị gặp và nói chuyện với con nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không hạnh phúc, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Đoàn Anh T1, sinh ngày 20/10/2017. Hiện nay cháu T1 đang ở với anh T. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 cho đến khi thành niên và yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 1.000.000đ một tháng.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh T không có tài sản chung, không vay ai, nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 7/8/2019 và ngày 9/10/2019 anh Đoàn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Bùi Thị Th trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được khoảng 8 tháng, đến tháng 6 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng có cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Cứ mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì chị Th lại gọi điện thoại về cho bố mẹ đẻ, anh thường nóng tính không muốn bố mẹ can thiệp vào chuyện riêng của vợ chồng nên anh có đánh chị Th. Trong thời gian chung sống và làm việc tại Bắc Ninh vợ chồng có mâu thuẫn như vậy nên tháng 7 năm 2019 anh đã bế con về quê tại thôn Hải Nạp, xã YH để ở và làm việc. Ngày 3 tháng 8 năm 2019, chị Th có về thăm con, vợ chồng mâu thuẫn nên đã cãi chửi nhau, đến ngày 4/8/2019 chị Th bỏ về Bắc Ninh còn anh vẫn ở xã YH. Từ đó đến nay, thi thoảng anh có nhắn tin, gọi điện cho chị Th hỏi thăm, còn chị Th không còn quan tâm gì tới anh, hai vợ chồng không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Do hai vợ chồng mỗi người ở một nơi, anh bận công việc nên chưa thể gặp chị Th để nói chuyện rõ ràng được. Chị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn anh không đồng ý do xác định tình cảm vẫn còn và do anh là người theo đạo công giáo, theo quy định của công giáo thì giáo dân không được phép ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Đoàn Anh T1 sinh ngày 20/10/2017, hiện cháu T1 đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh xin được nuôi cháu T1 và không yêu cầu chị Th phải cấp

dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm tại công ty giấy da thu nhập bình quân khoảng 5 đến 6 triệu đồng một tháng, đủ điều kiện để chăm sóc con. Nếu không được trực tiếp nuôi con thì anh đóng góp nuôi con cùng chị Th mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu T1 thành niên.

Về tài sản chung và công nợ: Anh nhất trí như nội dung trình bày của chị Th.

Tại Biên bản xác minh ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa Tòa án nhân dân huyện Yên Mô và Ủy ban nhân dân xã YH về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Th và anh Đoàn Văn T, Ủy ban nhân dân xã YH cung cấp như sau: Chị Bùi Thị Th và anh Đoàn Văn T lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YH vào ngày 25/10/2017. Sau khi kết hôn anh chị không sinh sống tại địa phương mà đi làm ăn ở tỉnh khác. Đến tháng 7 năm 2019, anh T đưa con là cháu Đoàn Anh T1 về nhà bố mẹ đẻ là ông Đoàn Văn Kh và bà Trần Thị Xuyên ở và làm việc, chị Th không ở cùng bố con anh T. Hiện nay, anh T đi làm ở công ty giấy da, lương khoảng 5 đến 6 triệu đồng một tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô nghiên cứu đúng thời gian; trình tự thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đoàn Văn T theo đúng quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Đoàn Văn T không chấp hành các quy định về tố tụng dân sự, không có mặt tại Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Th. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn đối với anh Đoàn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Anh T1 sinh ngày 20 tháng 10 năm 2017 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng; anh Đoàn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th là 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi cháu T1 thành niên.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Th không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Th phải nộp án phí ly hôn, anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Đoàn Văn T có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã YH, huyện Yên Mô nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa hai lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Đoàn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YH, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát. Khi mâu thuẫn anh T và chị Th đã không bàn bạc tìm ra giải pháp để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng mà anh T lại bế con về thôn H, xã YH để ở và làm việc, trong khi đó chị Th vẫn sinh sống và làm việc trên Bắc Ninh. Từ tháng 7 năm 2019 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng từ khi chị Th có đơn xin ly hôn anh T cũng không có giải pháp để hàn gắn tình cảm, không đến Tòa án để giải quyết, hiện anh và chị Th vẫn ly thân, mỗi người sống một nơi. Xét thấy: Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị Th và anh T có một con chung là cháu Đoàn Anh T1, chị Th và anh T đều có yêu cầu trực tiếp được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Th và anh T đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con. Tuy nhiên, hiện cháu T1 còn nhỏ, đến ngày xét xử sơ thẩm

cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu T1 cần chấp nhận yêu cầu của chị Th giao cháu T1 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại bản tự khai ngày 9/10/2019 anh T có quan điểm, nếu Tòa án giao con cho chị Th nuôi dưỡng anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi cháu T1 thành niên. Xét thấy: Hiện nay, anh T đang làm việc tại công ty giấy da, thu nhập từ 5 đến 6 triệu một tháng, việc cấp dưỡng nuôi cháu T1 1.000.000đ một tháng là phù hợp với điều kiện kinh tế của anh T, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Th đối với anh T về việc cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ một tháng cho đến khi cháu T1 thành niên.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Th và anh T không có tài sản chung và công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Th, cho chị Bùi Thị Th được ly hôn với anh Đoàn Văn T. Quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị Th và anh Đoàn Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Anh T1, sinh ngày 20/10/2017 cho đến khi cháu T1 thành niên. Anh Đoàn Văn T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Đoàn Anh T1 được sống chung với chị Bùi Thị Thương, anh Đoàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Bùi Thị Th và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đoàn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Anh Đoàn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th 1.000.000đ (Một triệu đồng) một tháng cho đến khi cháu Đoàn Anh T1 thành niên.

Kể từ ngày chị Bùi Thị Th có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Đoàn Văn T không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn: Chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA0002143 ngày 05/8/2019 tại Cơ quan chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: anh Đoàn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Chị Bùi Thị Th có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đoàn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã YH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Phạm Diệu Oanh
(Đã ký)

